

TUYÊN TRUYỀN NỘI DUNG LUẬT BIÊN PHÒNG VIỆT NAM

MỞ ĐẦU

Ngày 11/11/2020, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Biên phòng Việt Nam (Luật BPVN), Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022. Ngày 25/11/2020, Chủ tịch nước có Lệnh số 11/2020/L-CTN công bố Luật.

Luật BPVN là văn bản pháp lý rất quan trọng, đã thể chế đầy đủ quan điểm, tư duy mới của Đảng về bảo vệ Tổ quốc, quốc phòng, an ninh, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia như: “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, “Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia”, “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; đặc biệt, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị về “Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia”.

Chuyên đề “Một số nội dung cơ bản của Luật BPVN” giới thiệu về sự cần thiết, mục đích, quan điểm chỉ đạo trong xây dựng Luật; bố cục, nội dung cơ bản của Luật và những điểm mới của Luật BPVN. Trên cơ sở đó, cán bộ tham gia tập huấn quán triệt, tổ chức triển khai tuyên truyền, phổ biến và thực hiện có hiệu quả quy định của Luật BPVN.

I. TÌNH HÌNH TRÊN CÁC TUYẾN BIÊN GIỚI VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT BIÊN PHÒNG VIỆT NAM

1. Khái quát một số tình hình nổi lên trên các tuyến biên giới, vùng biển

a) Tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc

- Trung Quốc đẩy mạnh kiện toàn lực lượng bảo vệ biên giới (Cục Quản lý Di dân quốc gia Trung Quốc đã thành lập 27 Phòng Cảnh vụ dọc tuyến biên giới, đang xúc tiến thành lập thêm 44 Phòng Cảnh vụ);

- Đẩy nhanh tiến độ xây kè bảo vệ bờ sông, suối biên giới; hàng rào sắt ngăn chặn, các đài quan sát, cột thu, phát sóng, lắp đặt camera quan sát bảo vệ biên giới;

- Quá trình triển khai thi công các công trình tại một số khu vực đã vi phạm Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới, làm thay đổi hiện trạng trên biên giới theo hướng có lợi cho Trung Quốc trước khi hai bên tiến hành kiểm tra liên hợp trên thực địa. Cài cắm, đưa hạng mục xây dựng có hình ảnh bản đồ “đường lưỡi bò” trong hồ sơ công trình biên giới;

- Hoạt động của tội phạm, vi phạm pháp luật, nhất là hoạt động xuất nhập cảnh trái phép diễn biến hết sức phức tạp.

* Tình hình nổi lên thời gian gần đây: Xây kè sông, suối biên giới và hàng rào biên giới; trong đó, tính đến tháng 6/2022, phía Trung Quốc đã tiến hành xây kè bờ sông, suối biên giới $165,020\text{km}/383,914\text{km}=42,98\%$; hàng rào biên giới $992,075\text{km}/1.449,566\text{km}=68,44\%$.

Theo quan điểm của ta có 84 khu vực/2,934 km hàng rào biên giới của Trung Quốc vi phạm (Vi phạm Hiệp định về quy chế quản lý biên giới: 80 khu vực/2,550 km, trèo lên mốc giới: 08 mốc, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ: 04 khu vực/0,384 km).

b) Tuyến biên giới Việt Nam - Lào

- Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình", Bạo loạn lật đổ đối với Lào và Việt Nam; đặc biệt, chúng tập trung kích động, lôi kéo người Mông thành lập “Quân đội và Nhà nước Mông”.

- Trung Quốc và Mỹ tiếp tục gia tăng ảnh hưởng đối với Lào thông qua đầu tư, viện trợ trực tiếp vào Lào. Hiện nay, có trên 220 công ty, doanh nghiệp của Trung Quốc đang hoạt động dọc biên giới đối diện với Việt Nam.

- Tình hình tuyên truyền đạo trái pháp luật và di cư tự do trong đồng bào dân tộc thiểu số ở địa bàn KVBG tiếp tục diễn biến phức tạp; đặc biệt, chỉ riêng đồng bào dân tộc Mông từ năm 2002 đến nay, có 1.443 hộ/8.079 khẩu di cư từ các địa bàn nội địa ra KVBG; 155 hộ/892 khẩu di cư sang Lào; 21 hộ/127 khẩu di cư đi Trung Quốc và Mianma.

- Hoạt động của tội phạm, vi phạm pháp luật, nhất là hoạt động của tội phạm ma túy diễn biến hết sức phức tạp.

* Hoạt động nổi lên: tình hình hoạt động của tội phạm ma túy diễn biến hết sức phức tạp trên các tuyến biên giới, tập trung chủ yếu trên tuyến biên giới Việt Nam - Lào. Các đối tượng trong, ngoài biên giới hình thành các đường dây khép kín, ma túy được vận chuyển theo nhiều tuyến. Nguy hiểm hơn, các đối tượng trong đường dây vận chuyển ma túy đều mang vũ khí nóng, sẵn sàng chống trả quyết liệt khi bị phát hiện, bắt giữ.

c) Tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia

- Tình hình phân giới cắm mốc: Hiện nay đã PGCM được 1.044,985/1.257,781 km, chiếm 84%; tồn đọng khoảng 212,796/1.257,781 km, chiếm 16%.

- Các thế lực thù địch và bọn phản động đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hòa bình” kết hợp bạo loạn lật đổ hy vọng thành lập “Nhà nước Đê Ga” ở Tây Nguyên và “Nhà nước Khmer Crôm” ở Tây Nam Bộ. Tổ chức FULRO lưu vong tăng cường hoạt động ở Tây Nguyên và Đông Bắc Campuchia; hoạt động truyền đạo Tin Lành trái pháp luật, Tin Lành Đê Ga, phát triển tà đạo... ở địa bàn Tây Nguyên và Tây Nam Bộ diễn biến khá phức tạp.

- Trung Quốc, Mỹ và các nước Phương Tây gia tăng ảnh hưởng thông qua hoạt động đầu tư, viện trợ trực tiếp vào Campuchia. Hiện nay có khoảng 73 dự án kinh tế của các công ty, tổ chức trong nước và 14 dự án có yếu tố nước ngoài đầu tư ở khu vực biên giới.

- Vấn đề người gốc Việt Nam và hoạt động xuất nhập cảnh trái phép qua biên giới diễn biến phức tạp, khó lường.

* Hoạt động nổi lên:

Hiện nay, có khoảng **163.342** người gốc Việt ở Campuchia (trong đó địa bàn các tỉnh biên giới tiếp giáp Việt Nam có **3.324 hộ/54.447** khẩu). Cộng đồng người gốc Việt ở Campuchia đang chịu tác động nặng nề từ dịch COVID-19 dẫn đến mất việc làm, thất nghiệp, và có nguy cơ tìm cách trốn về hoặc bị đẩy đuổi về Việt Nam.

Từ tháng 6/2021, chính quyền Campuchia thực hiện chính sách bảo vệ nguồn nước trên các sông, hồ, dẫn đến các hộ dân ở các nhà nổi, bè cá di chuyển về khu vực tiếp giáp với KVBG 02 tỉnh Đồng Tháp và An Giang hình thành nên 03 cụm nhà bè. Hiện nay, có 182 nhà nổi, bè cá với 640 khẩu, hoàn cảnh kinh tế các hộ dân này hết sức khó khăn và luôn tìm cách nhập cảnh về Việt Nam.

d) Tuyến biên giới biển, đảo

- Vấn đề tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ trên biển Đông vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, khó lường.

- Hoạt động tàu thuyền nước ngoài vi phạm vùng biển Việt Nam và tàu cá Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài vẫn thường xuyên xảy ra. Từ 01/01/2020 đến tháng 6/2022, BDBP phát hiện, xử lý 21 vụ/32 tàu nước ngoài

vi phạm chủ quyền; 1.219 lượt tàu Trung Quốc khai thác hải sản trái phép trong vùng biển Việt Nam.

- Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở KVBG biển diễn biến phức tạp, như: Hoạt động tôn giáo trái pháp luật; an ninh nông thôn; các tổ chức phản động (“Việt Tân”, “Triều đại Việt”...), một số chức sắc, tín đồ cực đoan, cơ hội chính trị xuyên tạc, kích động, gây rối ANTT (xảy ra 42 vụ/2600 lượt người tham gia).

- Hoạt động của tội phạm xuyên quốc gia trên tuyến biên giới biển ngày càng gia tăng về quy mô và cường độ; điển hình là tội phạm ma túy, buôn lậu, gian lận thương mại về xăng, dầu...

* Hoạt động nổi lên:

(i) Trung Quốc gia tăng hoạt động quân sự trên biển Đông. Từ đầu năm 2020 đến nay, đã tổ chức 85 cuộc diễn tập, tổ chức các đội tàu cá, tàu cá dân binh và duy trì 58 - 70 tàu chấp pháp để xua đuổi tàu cá, theo dõi các tàu công vụ và hoạt động dầu khí của ta trên các vùng biển Trung Quốc tuyên bố chủ quyền; đồng thời, tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các đạo luật trong nước (Luật Hải cảnh ngày 01/2/2021, Luật An toàn giao thông hàng hải ngày 01/9/2021...) để làm cơ sở pháp lý cho hoạt động xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam và các nước tại biển Đông.

(ii) Tình trạng Ngư dân Việt Nam khai thác thủy sản trái phép tại vùng biển nước ngoài vẫn diễn biến phức tạp và chưa có dấu hiệu chấm dứt. Đã tham mưu địa phương xử phạt VPHC 574 đối tượng/21.608.600.000 đồng về hành vi khai thác IUU; từ ngày 01/01/2020 đến tháng 6/2022, các đơn vị BĐBP đã tiếp nhận, theo dõi, xử lý 101 vụ/152 lượt tàu/1.160 ngư dân Việt Nam sang vùng biển nước ngoài khai thác hải sản trái phép.

2. Pháp luật về biên giới quốc gia

a) Các điều ước quốc tế về biên giới, cửa khẩu

- Tuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc: Trong 02 năm 2008-2009, hai Bên đã tổ chức soạn thảo; ngày 18/11/2009 hai Bên đã ký kết 03 văn kiện quan trọng: Nghị định thư Phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền; Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới đất liền; Hiệp định về Cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới đất liền (có hiệu lực từ ngày 14/7/2010).

- Tuyên biên giới Việt Nam - Lào: Năm 2012, hai nước thực hiện việc tăng dày, tôn tạo hệ thống mốc quốc giới; ngày 16/3/2016, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào ký Nghị định thư về đường biên giới và mốc quốc giới; Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Lào.

- Tuyên biên giới Việt Nam - Campuchia: Ngày 05/10/2019, Chính phủ nước Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia ký 02 văn kiện pháp lý gồm: Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định BGQG năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2005 giữa Việt Nam và Campuchia; Nghị định thư Phân giới cắm mốc

biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia, ngày 27/11/2019, Quốc hội khóa XIV đã phê chuẩn.

- Tuyên biên giới biển: Công ước của Liên Hiệp quốc về Luật biển năm 1982; Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước trong vịnh Bắc Bộ, có hiệu lực từ ngày 30/6/2004; Hiệp định về vùng nước lịch sử giữa Việt Nam và Campuchia ký ngày 07/7/1982; Hiệp định về phân định ranh giới trên biển giữa Việt Nam và Thái Lan ký ngày 09/8/1997; Hiệp định về phân định ranh giới trên biển giữa Việt Nam và Ấn Độ ký ngày 26/6/2003; Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc ký ngày 25/12/2000.

b) Pháp luật trong nước

- Luật Biên giới quốc gia: Được Quốc hội Khóa XI thông qua ngày 17/6/2003 (có hiệu lực thi hành ngày 01/4/2004), gồm 6 chương, 41 điều.

- Luật Biển Việt Nam: Được Quốc hội Khóa 13 thông qua ngày 21/6/2012 (có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2013), gồm 7 chương, 55 điều; Nội dung điều chỉnh: Quy định đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và các quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam.

- Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng: Được UBTV Quốc hội Khóa IX thông qua ngày 28/3/1997 (có hiệu lực thi hành ngày 07/4/1997 và hết hiệu lực khi Luật Biên phòng Việt Nam có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022), gồm 7 chương, 33 điều.

- Ngoài ra có các luật, pháp lệnh và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan quy định về công tác quản lý, bảo vệ BGQG như: Luật Quốc phòng, Luật Công an nhân dân, Luật An ninh quốc gia...

Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức triển khai nhiệm vụ xây dựng, quản lý và bảo vệ BGQG của các cấp, các ngành, các lực lượng; trong đó, BĐBP là lực lượng nòng cốt, chuyên trách.

3. Sự cần thiết ban hành Luật BPN

Tình hình trên đặt ra nhiều yêu cầu đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển và tư duy mới về hoạt động biên phòng để bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ Quốc, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Như vậy, việc ban hành Luật BPN là hết sức cần thiết xuất phát từ những vấn đề sau:

Thứ nhất, trong những năm qua, Đảng, Nhà nước có nhiều chủ trương, quan điểm, tư duy mới về bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh BGQG nhưng chưa được thể chế hóa thành pháp luật như: “*Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”, “*Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”, Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 với quan điểm, mục

tiêu: “*Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền BGQG, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển*”.

Đặc biệt, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị về “*Chiến lược bảo vệ BGQG*” đã xác định rõ nhiệm vụ biên phòng: “*Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, BGQG...; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ hòa bình, an ninh, văn hóa, pháp luật, tinh uy nghiêm và biểu tượng quốc gia tại biên giới, cửa khẩu; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác; bảo vệ, phòng thủ vững chắc BGQG; góp phần phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở KVBG và cả nước*”; đồng thời xác định cụ thể lực lượng bảo vệ BGQG: “*Xây dựng lực lượng bảo vệ BGQG toàn dân rộng khắp, nhân dân là chủ thể, lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, Bộ đội Biên phòng (BĐBP) là một quân chủng thuộc Bộ Quốc phòng, lực lượng chuyên trách, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số thành phần tiến thẳng lên hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, bảo vệ BGQG trong tình hình mới*”; đề ra phương hướng nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật về xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG, trong đó xác định “*Sớm ban hành Luật BPVN*”.

Thứ hai, xuất phát từ vị trí, tầm quan trọng của BGQG, đây là vấn đề chiến lược, lâu dài của Đảng, Nhà nước trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN và yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, nhất là BĐBP cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số thành phần tiến thẳng hiện đại, đáp ứng yêu cầu làm nòng cốt, chuyên trách quản lý, bảo vệ BGQG trong tình hình mới.

Thứ ba, hiện nay, vấn đề biên giới, cửa khẩu trên thực tế đang phát sinh các vấn đề như: Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh, quá cảnh của người, phương tiện tại cửa khẩu, cảng biển có nhiều diễn biến mới; nhu cầu và xu hướng quan hệ quốc tế không chỉ liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội ở hai bên biên giới mà còn liên quan đến nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Bên cạnh đó, hoạt động trên biên giới, KVBG, cửa khẩu có nhiều lực lượng thuộc các bộ, ngành với nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành. Tuy nhiên, trong thực tế việc thực thi nhiệm vụ biên phòng còn có những hạn chế, bất cập; công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, chính quyền địa phương, lực lượng nòng cốt, chuyên trách với các lực lượng chức năng ở KVBG, cửa khẩu chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, việc đầu tư của nhà nước, địa phương vào một số chương trình, mục tiêu quốc gia tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn vẫn còn dãn trải, chất lượng, hiệu quả chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng BGQG, KVBG vững mạnh.

Thứ tư, xuất phát từ những hạn chế, bất cập phát sinh trong hơn 15 năm thi hành Luật BGQG và 20 năm thi hành Pháp lệnh BĐBP.

Luật BGQG năm 2003 mới chỉ điều chỉnh về BGQG, chế độ pháp lý BGQG, KVBG, quy định nguyên tắc, có tính khái quát về xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG, KVBG và xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách quản lý, bảo vệ BGQG. Chưa quy định cụ thể về nhiệm vụ biên phòng, lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng, nên biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân. Vì vậy, để khắc phục vấn đề này cần thiết luật hóa, quy định cụ thể về nhiệm vụ biên phòng, nội dung cơ bản về xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân, lực lượng nòng cốt, chuyên trách quản lý, bảo vệ BGQG, KVBG.

Pháp lệnh BDBP mới điều chỉnh các vấn đề liên quan đến BDBP (vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, hệ thống tổ chức của BDBP và chế độ, chính sách đối với BDBP với tư cách là lực lượng nòng cốt, chuyên trách quản lý, bảo vệ BGQG). Chưa đề cập hết trách nhiệm của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận, lực lượng vũ trang nhân dân và một số các chủ thể tham gia xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG, KVBG.

Do Pháp lệnh ban hành từ năm 1997 nên một số quy định của Pháp lệnh liên quan đến hạn chế quyền con người, quyền công dân chưa phù hợp với Hiến pháp năm 2013; đồng thời, hình thức, bố cục của Pháp lệnh chưa phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Bên cạnh đó, một số thuật ngữ trong Pháp lệnh không phù hợp với các văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan; nhiều nhiệm vụ, quyền hạn của BDBP đang được quy định tản mạn trong các luật chuyên ngành dẫn đến tình trạng khó theo dõi, thiếu thống nhất, thậm chí gây khó khăn cho quá trình thực thi nhiệm vụ của BDBP như: Nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia ở KVBG; kiểm tra, kiểm soát xuất nhập cảnh; phòng, chống khủng bố, đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy, mua bán người; duy trì an ninh, TTATXH ở KVBG, cửa khẩu, hải đảo, vùng biên và vùng trời Việt Nam. Các quy định nhiệm vụ, quyền hạn của BDBP nêu trong các văn bản pháp luật chuyên ngành chưa được quy định trong Pháp lệnh.

Tổng kết 20 năm thi hành Pháp lệnh BDBP, các ban, bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành nơi có BGQG đều thống nhất kiến nghị, đề xuất tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về thể chế hóa chức năng, nhiệm vụ của các lực lượng nòng cốt, chuyên trách trong bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh BGQG đảm bảo thống nhất với Hiến pháp, văn bản pháp luật liên quan, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời khẩn trương thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, sớm báo cáo Quốc hội xây dựng Luật BPVN.

Thứ năm, thực tiễn hơn 60 năm qua, BDBP đã và đang áp dụng có hiệu quả các hình thức, biện pháp công tác biên phòng nhưng chưa được luật hóa; tổ chức xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân trong quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, BGQG nhưng nội dung chưa được quy định cụ thể nên thiếu cơ sở pháp lý để các cơ quan, lực lượng chức năng và BDBP trong thực thi nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG, KVBG.

Biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh BGQG là trách nhiệm của các cấp, các ngành và của cả hệ thống chính trị. Để bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh BGQG đang đặt ra cần thiết phải có hệ thống văn bản pháp lý đồng bộ, thống nhất. Vì vậy, việc ban hành Luật BPVN có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, cần thiết; đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG, KVBG trong tình hình mới.

II. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT BIÊN PHÒNG VIỆT NAM

1. Bố cục của Luật Biên phòng Việt Nam

Luật BPVN gồm 06 chương 36 điều, cụ thể:

- Chương I. Những quy định chung, gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8)

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; các từ ngữ cần giải thích; chính sách của Nhà nước về biên phòng; nguyên tắc thực thi nhiệm vụ biên phòng; nhiệm vụ biên phòng; lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng; trách nhiệm, chế độ, chính sách của cơ quan, tổ chức, công dân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng và các hành vi bị nghiêm cấm.

- Chương II. Hoạt động cơ bản về biên phòng, gồm 04 điều (từ Điều 9 đến Điều 12)

Chương này quy định 04 vấn đề cơ bản của hoạt động biên phòng gồm: (1) nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân; (2) phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng; (3) hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, KVBG, qua lại biên giới, cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền; (4) hợp tác quốc tế về biên phòng.

- Chương III. Lực lượng BDBP, gồm 12 điều (từ Điều 13 đến Điều 24)

Đây là chương cơ bản quy định riêng về BDBP, gồm: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi hoạt động của BDBP; quyền hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, qua lại biên giới; sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; huy động người, tàu thuyền, phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự; hình thức, biện pháp quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; hệ thống tổ chức, trang bị, ngày truyền thống, tên giao dịch quốc tế, con dấu, trang phục, màu sắc, cờ hiệu, phù hiệu và dấu hiệu nhận biết phương tiện của BDBP.

- Chương IV. Bảo đảm biên phòng và chế độ, chính sách đối với lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng, gồm 03 điều (từ Điều 25 đến Điều 27)

Chương này quy định về bảo đảm nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính và chế độ, chính sách được áp dụng chung cho lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng và chính sách, chế độ ưu đãi đối với cán bộ, chiến sỹ BDBP trên cơ sở luật hóa các chế độ, chính sách hiện hành nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, chiến sỹ BDBP và lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng ở địa bàn khó khăn, gian khổ, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Đồng thời, có chính sách ưu tiên đối với cư dân ở KVBG, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn để

khuyến khích, hỗ trợ cư dân biên giới trong tham gia, phối hợp với lực lượng chuyên trách trong thực thi nhiệm vụ biên phòng.

- *Chương V. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về biên phòng, gồm 07 điều (từ Điều 28 đến Điều 34)*

Chương này quy định về trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các bộ, cơ quan ngang bộ; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của mặt trận về biên phòng. Trong đó, tập trung xác định rõ trách nhiệm của 03 bộ (Quốc phòng, Ngoại giao, Công an) với tư cách là cơ quan chỉ huy, chỉ đạo lực lượng chuyên trách trong quản lý, bảo vệ BGQG, KVBG và trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND, HĐND các cấp trong thực thi nhiệm vụ biên phòng.

- *Chương VI. Điều khoản thi hành, gồm 02 điều (Điều 35 và Điều 36)*

Nội dung Chương này tập trung quy định 02 vấn đề: (1) Sửa đổi, bổ sung Điều 21 của Luật BGQG với lý do các quy định về hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, KVBG, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền được luật hóa tại Luật BPVN vì liên quan đến quyền con người, quyền công dân; (2) Xác định hiệu lực của Luật BPVN từ ngày 01/01/2022, đồng thời là thời điểm Pháp lệnh BDBP năm 1997 hết hiệu lực.

2. Nội dung cơ bản của Luật Biên phòng Việt Nam

2.1. Về tên gọi, phạm vi điều chỉnh và giải thích từ ngữ

- *Về tên gọi*

Việc lấy tên là **Luật Biên phòng Việt Nam** trên cơ sở Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị về “*Chiến lược bảo vệ BGQG*” đã xác định: “*Hoàn thiện cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật về xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, cập nhật luật pháp quốc tế; xác định rõ phạm vi, trách nhiệm, dễ thực hiện, có tính khả thi cao, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, các lực lượng vũ trang nhân dân trong xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG. Sớm ban hành Luật Biên phòng Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thực hiện*” và thực hiện Nghị quyết số 78/2019/QH14 ngày 11/6/2019 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020.

- *Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)*

Luật BGQG quy định về biên giới quốc gia; chế độ pháp lý về biên giới quốc gia; xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới.

Pháp lệnh BDBP quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, quản lý nhà nước và chế độ, chính sách đối với BDBP.

Phạm vi điều chỉnh của Luật BPVN được mở rộng hơn so với Pháp lệnh BDBP và bổ sung, cụ thể hóa một số quy định trong Luật BGQG. Phản ánh đầy đủ nội hàm tên gọi và quan hệ xã hội do Luật BPVN điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh quy định những nội dung như: Chính sách của Nhà nước về biên phòng, nguyên tắc

thực thi nhiệm vụ biên phòng, nhiệm vụ biên phòng, nền biên phòng toàn dân, thể trận biên phòng toàn dân, hợp tác quốc tế về biên phòng, lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng; bảo đảm biên phòng và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân về biên phòng.

- Về giải thích từ ngữ (Điều 2)

Một số từ ngữ mà hiện nay chưa được quy định tại các luật khác hoặc mới được nêu có tính khái quát tại Luật BGQG và các văn bản dưới luật. Vì vậy, Luật BPVN giải thích cụ thể nhằm thống nhất nhận thức trong áp dụng Luật gồm: “*Biên phòng*” (khoản 1 Điều 2); “*Nền biên phòng toàn dân*” (khoản 2 Điều 2); “*Thể trận biên phòng toàn dân*” (khoản 3 Điều 2); “*Vành đai biên giới*” (khoản 3 Điều 2).

2.2. Về nhiệm vụ biên phòng và nền biên phòng toàn dân, thể trận biên phòng toàn dân

- Nhiệm vụ biên phòng (Điều 5)

Đây là quy định hết sức quan trọng, trên cơ sở thể chế hóa đầy đủ quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Chiến lược Bảo vệ BGQG (Nghị quyết số 33-NQ/TW), nhằm xác định rõ tổng thể, toàn diện và đầy đủ về nội dung nhiệm vụ biên phòng với ý nghĩa là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị và của cơ quan, tổ chức, cá nhân, với 03 nhóm nhiệm vụ (xây dựng - quản lý - bảo vệ BGQG, KVBG) tương ứng với 07 nhiệm vụ biên phòng quy định tại Điều 5, đảm bảo phù hợp, thống nhất với khái niệm “*Biên phòng*” được giải thích trong Luật.

- Nền biên phòng toàn dân, thể trận biên phòng toàn dân (Điều 9)

Đây là vấn đề mới, trước đây Luật BGQG và các văn bản pháp luật có liên quan mới chỉ dừng lại ở quy định có tính khái quát. Việc luật hóa cụ thể nội dung cơ bản của nền biên phòng toàn dân, thể trận biên phòng toàn dân trong Luật BPVN đã khắc phục những bất cập của Luật BGQG, luật hóa các quy định còn mang tính nguyên tắc của Nghị định số 140/2004/NĐ-CP ngày 25/6/2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BGQG; đồng thời để thể chế hóa quan điểm của Đảng về chiến lược Bảo vệ BGQG với mục tiêu “*Xây dựng nền biên phòng toàn dân và thể trận biên phòng toàn dân vững mạnh, ổn định lâu dài trong nền quốc phòng toàn dân và thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận ANND vững chắc; xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới toàn dân rộng khắp; dựa vào nhân dân, lấy dân làm gốc, nhân dân là chủ thể, mỗi người dân biên giới là cột mốc sống; bảo vệ BGQG là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân*”.

2.3. Về lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, công dân

- Lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng (Điều 6)

Trên cơ sở nhiệm vụ biên phòng, Luật BPVN xác định lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng gồm 02 nhóm lực lượng: (1) Cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân ở KVBG, cửa khẩu; (2) Cơ quan lãnh đạo, chỉ huy, quản

lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân ở KVBG, cửa khẩu.

Việc xác định rõ nội hàm của lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng làm cơ sở quan trọng để các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan, đơn vị, lực lượng trực thuộc của cơ quan, đơn vị mình đứng chân trên địa bàn KVBG, cửa khẩu phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn pháp luật quy định.

- Trách nhiệm và chế độ, chính sách của cơ quan, tổ chức, công dân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng (Điều 7)

Đây là nội dung mới so với Pháp lệnh BDBP, Luật BPVN quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, công dân phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng thực hiện nhiệm vụ. Riêng công dân ở KVBG có trách nhiệm tham gia xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân và các phong trào bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, BGQG, giữ gìn ANTTATXH ở KVBG, cửa khẩu. Đồng thời, Luật cũng quy định cụ thể chế độ, chính sách của Nhà nước về khen thưởng, bồi thường thiệt hại đối với cơ quan, tổ chức, công dân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng.

2.4. Về phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng (Điều 10)

Với nội dung nhiệm vụ biên phòng rộng và là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị và của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Vì vậy, Luật BPVN đã quy định rõ phạm vi, nguyên tắc, nội dung phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng, nhằm đảm bảo nguyên tắc một việc do nhiều chủ thể thực hiện nhưng chỉ một chủ thể chủ trì, phát huy được sức mạnh tổng hợp và thuận lợi trong thực thi nhiệm vụ biên phòng; đồng thời giao Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương trong thực thi nhiệm vụ biên phòng; giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc phối hợp giữa BDBP và các lực lượng thuộc quyền trong thực thi nhiệm vụ biên phòng.

2.5. Về hạn chế hoặc tạm dừng và hợp tác quốc tế về biên phòng

- Về hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, KVBG, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền (Điều 11)

Các quy định về hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, KVBG, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền hiện nay chỉ quy định mang tính nguyên tắc tại Điều 21 Luật BQGG và được cụ thể hóa tại 02 văn bản dưới luật (*Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền*), nhằm bảo đảm phù hợp với Điều 14 Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, Luật BPVN quy định cụ thể các trường hợp được hạn chế hoặc tạm dừng, các hoạt động bị hạn chế hoặc tạm dừng, thẩm quyền quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong vành đai biên giới, KVBG, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền và trình tự, thủ tục quyết định hạn chế hoặc tạm dừng trong các trường hợp cụ thể.

- Hợp tác quốc tế về biên phòng (Điều 12)

Nhằm thể chế hóa quan điểm của Đảng về chiến lược Bảo vệ BGQG với mục tiêu “*Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác, góp phần phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở KVBG và cả nước*”, trên cơ sở các điều ước quốc tế về biên giới, cửa khẩu và quan hệ hợp tác biên phòng đã và đang được thiết lập và phát triển, Luật BPVN xác định rõ 06 nội dung và 04 hình thức hợp tác quốc tế về biên phòng quy định cụ thể nội dung hợp tác quốc tế trong thiết lập, phát triển quan hệ biên giới và xây dựng, mở rộng và làm sâu sắc quan hệ hữu nghị với các nước có chung biên giới, các quốc gia và tổ chức quốc tế khác trên thế giới và khu vực, phù hợp với đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước hiện nay.

2.6. Về lực lượng BDBP (Chương III)

- Vị trí, chức năng của BDBP (Điều 13)

Về cơ bản vị trí, chức năng của BDBP quy định tại Luật BPVN được kế thừa, phát triển từ Pháp lệnh BDBP. Tuy nhiên, có 02 vấn đề mới đó là:

(1) Thể chế hóa chức năng của BDBP với tư cách là chủ thể “*thực hiện quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh, đối ngoại*” đã được xác định tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 08/8/1995 của Bộ Chính trị về xây dựng BDBP trong tình hình mới và Thông báo số 165-TB/TW ngày 22/12/2004 của Ban Chấp hành Trung ương về việc Kết luận của Bộ Chính trị về tổ chức BDBP đó là “*Bảo đảm cho BDBP thực hiện tốt 3 chức năng quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng và đối ngoại ở KVBG; trong thời bình là quản lý biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác thân thiện với các nước láng giềng; khi có chiến tranh hoặc xung đột biên giới, thực hiện tốt nhiệm vụ tác chiến phòng thủ được phân công trong thế trận phòng thủ chung trên địa bàn*”.

(2) Quy định rõ ràng hơn về chức năng của BDBP “*chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở KVBG, cửa khẩu theo quy định của pháp luật*” hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Đảng, thống nhất với khoản 2 Điều 31 Luật BGQG, khoản 2 Điều 35 Luật Quốc phòng, khoản 5 Điều 16 Luật Công an nhân dân.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của BDBP (Điều 14, Điều 15)

Về cơ bản kế thừa các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của BDBP từ Điều 5 đến Điều 17 Pháp lệnh BDBP. Tuy nhiên, Luật BPVN đã quy định cụ thể hơn so với Pháp lệnh BDBP, thống nhất với các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời bổ sung một số nhiệm vụ, quyền hạn mới như sau:

(1) Điều 14 Luật BPVN xác định BDBP có 12 nhiệm vụ, gồm kế thừa Pháp lệnh BDBP 06 nhiệm vụ (quy định từ Điều 5 đến Điều 10 Pháp lệnh BDBP), được chia tách, phát triển thành 09 nhiệm vụ và bổ sung nhiệm vụ 03 nhiệm vụ mới so với Pháp lệnh BDBP gồm: “*Tham mưu cho Bộ Quốc phòng về công tác quản lý, bảo vệ BGQG, duy trì ANTTATXH ở KVBG, cửa khẩu và xây dựng lực lượng BDBP*” (khoản 2 Điều 14); “*Tiếp nhận, sử dụng nhân lực, phương tiện dân sự để*

thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật” (khoản 10 Điều 14); “Tham gia phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn ở KVBG” (khoản 12 Điều 14).

(2) Điều 15 Luật BPVN xác định BDBP có 08 nhóm quyền hạn trên cơ sở kế thừa quyền hạn của BDBP được quy định từ Điều 11 đến Điều 17 Pháp lệnh BDBP; đồng thời thu hút quyền hạn của BDBP đang quy định tản mát trong các văn bản pháp luật liên quan; quy định rõ hơn về quyền hạn của BDBP trong “*Kiểm tra, kiểm soát phương tiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, xử lý phương tiện vi phạm pháp luật ở KVBG, cửa khẩu theo quy định của pháp luật*” (khoản 2 Điều 15); “*Huy động người, tàu thuyền, phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự theo quy định tại Điều 18 của Luật này*” (khoản 6 Điều 15); điểm mới so với Pháp lệnh BDBP, Luật BPVN đã bổ sung quyền nổ súng của cán bộ, chiến sĩ BDBP đối với tàu thuyền trên biển, sông suối biên giới trong các trường hợp cụ thể vì Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 chưa quy định.

- Phạm vi hoạt động của BDBP (Điều 16)

Luật BPVN xác định cụ thể về phạm vi hoạt động của BDBP ở ngoài KVBG, cửa khẩu, địa bàn nội địa và ngoài biên giới trong các trường hợp, cụ thể:

+ Hoạt động trong KVBG, cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, địa bàn nội địa để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

+ Hoạt động ngoài biên giới theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và quy định của pháp luật Việt Nam trong trường hợp vì mục đích nhân đạo, hòa bình, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, kiểm soát xuất nhập cảnh, bảo đảm ANTTATXH, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật.

- Hình thức, biện pháp quản lý, bảo vệ BGQG (Điều 19, Điều 20)

Đây là vấn đề mới, xuất phát từ thực tiễn hơn 60 năm qua, BDBP đã và đang áp dụng có hiệu quả 04 hình thức quản lý, bảo vệ BGQG (thường xuyên, tăng cường, trước khi có chiến tranh và khi có chiến tranh) và 06 biện pháp công tác biên phòng (Vận động quần chúng, Trinh sát, Kiểm soát hành chính, Đối ngoại, Vũ trang, Công trình kỹ thuật và công nghệ), Luật BPVN quy định cụ thể 03 hình thức quản lý, bảo vệ BGQG gồm: Thường xuyên; tăng cường; trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thiết quân luật, giới nghiêm, tình trạng chiến tranh và 07 biện pháp quản lý, bảo vệ BGQG gồm: Vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ, vũ trang. Việc luật hóa các hình thức, biện pháp quản lý, bảo vệ BGQG nhằm tạo cơ sở pháp lý quan trọng, cần thiết để BDBP thực thi có hiệu quả nhiệm vụ biên phòng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Hệ thống tổ chức của BDBP (Điều 21 Luật BPVN)

Cơ bản giữ nguyên 03 cấp cơ bản của BDBP như Pháp lệnh BDBP (Bộ Tư lệnh; Bộ Chỉ huy BDBP cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh; cấp đồn Biên phòng). Tuy nhiên, đối với cấp đồn Biên phòng điểm mới là bổ sung “*Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng*”.

- *Trang bị của BDBP (Điều 22, Điều 24 Luật BPVN)*

Có 02 điểm mới về trang bị của BDBP như sau:

(1) Ngoài “*phương tiện quân sự, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ*” theo quy định pháp luật hiện hành, BDBP còn được trang bị “*phương tiện dân sự*” và “*phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ*” nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ, cần thiết và phù hợp với thực tiễn thực thi nhiệm vụ biên phòng của BDBP.

(2) Tuy không quy định rõ ngay trong quy định về trang bị của BDBP nhưng Luật BPVN đã quy định có tính dự báo về trang bị “*tàu bay*” (máy bay, phương tiện bay không người lái); đồng thời giao Bộ Quốc phòng quy định cụ thể màu sắc, cờ hiệu, phù hiệu và dấu hiệu nhận biết riêng đối với “*tàu bay*” của BDBP.

- *Về “con dấu” của BDBP (Điều 23 Luật BPVN)*

Đây là vấn đề mới, sự thay đổi có tính quan trọng, theo Luật BPVN trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao BDBP được sử dụng “*con dấu có hình Quốc huy*”.

2.7. Về chính sách ưu đãi, chế độ đặc thù đối với BDBP (Điều 27)

- Về cơ bản, trên cơ sở chế độ, chính sách ưu đãi đối với BDBP được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành như: Hưởng lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chế độ trợ cấp; được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo, phụ cấp khu vực, phụ cấp đặc biệt, phụ cấp thu hút, phụ cấp lưu động, phụ cấp độc hại nguy hiểm, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp trách nhiệm theo nghề, phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp phục vụ quốc phòng an ninh, phụ cấp công tác lâu năm ở trên tàu, biên, đảo, phụ cấp ngày đi biển, phụ cấp đặc thù đi biển phù hợp với khu vực địa bàn vùng biển, đảo công tác, yêu cầu nhiệm vụ và chế độ, chính sách khác như cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và cán bộ, công chức, viên chức có cùng điều kiện, môi trường làm việc, khu vực địa bàn, biển đảo công tác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Riêng chế độ đặc thù, Luật BPVN quy định giao Chính phủ quy định chi tiết chế độ đặc thù đối với cán bộ, chiến sĩ BDBP theo hướng kế thừa và phát triển các quy định của Pháp lệnh BDBP và các văn bản hướng dẫn thi hành; đồng thời bổ sung mới một số chế độ đặc thù đối với cán bộ, chiến sĩ BDBP, dự kiến gồm một số chế độ đặc thù sau:

(1) Sĩ quan, QNCN BDBP khi làm nhiệm vụ tăng cường xã biên giới có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng % phụ cấp kiêm nhiệm;

(2) Nâng mức % phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, chiến sĩ BDBP thuộc lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy và tội phạm; bổ sung mức % phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, chiến sĩ BDBP thuộc đội vũ trang.

2.8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về biên phòng (Chương V)

- So với Pháp lệnh BDBP, Luật BPVN quy định rõ trách nhiệm của 03 Bộ: Quốc phòng, Ngoại giao, Công an với tư cách là cơ quan chỉ huy, chỉ đạo lực

lượng nòng cốt, chuyên trách trong quản lý, bảo vệ BGQG, KVBG; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong thực thi nhiệm vụ biên phòng.

- Về trách nhiệm của Bộ Quốc phòng (Điều 29 Luật BPVN): Để bảo đảm đúng thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng về biên phòng, đồng thời tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức khác và bảo đảm tính khả thi. Luật quy định Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về biên phòng với 06 nội dung sau:

- (1) Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an quản lý, bảo vệ BGQG.
- (2) Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương duy trì ANTT, ATXH ở KVBG, cửa khẩu theo quy định của pháp luật.
- (3) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hướng dẫn bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương thực hiện việc xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân, thực hiện Ngày biên phòng toàn dân.
- (4) Hướng dẫn bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương nơi có BGQG thực hiện quản lý, bảo vệ BGQG, KVBG;
- (5) Xây dựng BDBP đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.
- (6) Phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương trong xây dựng BGQG, KVBG.

Đồng thời, Luật cũng giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các lực lượng thuộc quyền trong quản lý, bảo vệ BGQG, KVBG.

KẾT LUẬN

Sự ra đời của Luật BPVN đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước ta về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ BGQG, lợi ích quốc gia, dân tộc, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở KVBG, cửa khẩu; duy trì, đẩy mạnh và phát triển mối quan hệ hợp tác, hữu nghị trên cơ sở hòa bình, độc lập và tôn trọng lẫn nhau với các nước, nhất là với các quốc gia có chung đường biên giới; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Luật BPVN là văn bản pháp lý có ý nghĩa chính trị và vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG, KVBG, xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách; đồng thời, là một bước tiến quan trọng góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật theo Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương, quan điểm của Đảng tại Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 08/8/1995 của Bộ Chính trị về xây dựng BDBP trong tình hình mới; Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ BGQG; Thông báo 165-TB/TW ngày 22/12/2004 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI thông báo kết luận của Bộ Chính trị về tổ chức của BDBP và luật hóa các quy định hiện đang được quy định tản mát trong các văn bản pháp luật có liên quan.

Để Luật BPVN được triển khai đồng bộ, hiệu quả, thống nhất trên phạm vi cả nước, mọi cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ, đảng viên cần nắm vững những nội dung cơ bản của Luật, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG, KVBG trong tình hình mới./.